

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Về ban hành Quy định tổ chức quản lý hoạt động vận tải
hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 ;
- Căn cứ Nghị định số 92/2001/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô ;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Công chánh tại Công văn số 808/GT-VTCN ngày 27 tháng 10 năm 2003 ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3.- Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3
- TTUB : CT, các PCT
- VPHĐ-UB : các PVP
- Các Tổ NCTH
- Lưu(ĐT/Thg)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đua

QUY ĐỊNH

Về tổ chức quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 321/2003/QĐ-UB
ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Phạm vi điều chỉnh :

Văn bản này quy định việc quản lý và khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt hội đủ các điều kiện kinh doanh vận tải xe buýt theo quy định của pháp luật, tham gia khai thác tuyến xe buýt (gọi tắt là doanh nghiệp) ; các tổ chức, cơ quan nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố phân công quản lý vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và hành khách sử dụng xe buýt.

Điều 2.- Giải thích từ ngữ :

1. Tuyến xe buýt là tuyến đường được xác định để vận chuyển hành khách bằng xe buýt đi từ một địa điểm này đến một địa điểm khác trong thành phố hoặc tỉnh liền kề.

Ngoài các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe thông thường, còn có các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe riêng được quy định như sau : tuyến chạy nhanh là tuyến xe chạy suốt từ điểm đầu đến điểm cuối tuyến, không hoặc chỉ dừng ở một vài trạm trên tuyến ; tuyến xe chạy đêm ; tuyến xe đưa rước học sinh-sinh viên, công nhân viên chức,... ; tuyến xe buýt được chạy trên làn đường dành riêng.

Tuyến xe buýt thử nghiệm là tuyến mới đưa vào hoạt động thử trong một thời gian nhất định hoặc là tuyến xe buýt được áp dụng các chính sách ưu đãi hoặc ưu tiên do thành phố tổ chức.

2. Lịch trình chạy xe là thời gian xác định cho một hành trình chạy xe từ khi xuất phát đến khi kết thúc của một chuyến xe buýt, trong đó quy định cụ thể thời gian dừng lại tại mỗi trạm, nhà chờ dọc đường để đón, trả khách.

3. Biểu đồ chạy xe là tổng hợp các lịch trình chạy xe của các chuyến xe buýt được tham gia khai thác trên cùng một tuyến xe buýt.

4. Sổ nhật trình chạy xe là sổ do doanh nghiệp cấp cho xe để ghi chép hành trình, lịch trình chạy xe theo từng chuyến có xác nhận của doanh nghiệp tại điểm đầu và điểm cuối của tuyến ; cơ quan quản lý tuyến xe buýt thực hiện nhiệm vụ tái xác nhận.

5. Cơ sở hạ tầng xe buýt là hệ thống các điểm đầu, điểm cuối, trạm dừng, nhà chờ, đầu mối trung chuyển hành khách, bãi kỹ thuật (bãi hậu cần), bãi giữ xe cá nhân, hệ thống trang thiết bị thông tin trên tuyến.

CHƯƠNG II

CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 3.- Ủy ban nhân dân thành phố là cơ quan quản lý Nhà nước về vận tải khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố, có thẩm quyền :

1. Phê duyệt quy hoạch mạng lưới luồng tuyến, quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng xe buýt.
2. Quyết định đầu tư, phê duyệt kết quả đấu thầu các dự án xe buýt theo quy định.
3. Công bố các tiêu chuẩn, định mức kinh tế-kỹ thuật đối với hoạt động xe buýt ; các mức giá vé lượt đi và giá vé dài ngày, các chính sách miễn giảm giá vé và khung trợ giá của Nhà nước cho hoạt động xe buýt.
4. Xác định mô hình tổ chức hoạt động xe buýt.
5. Ban hành và sửa đổi bổ sung những quy định về quản lý hoạt động xe buýt.
6. Công bố các ưu tiên trong lưu thông của xe buýt.
7. Ban hành kế hoạch đầu tư bằng vốn ngân sách và các chính sách ưu đãi đầu tư đối với hoạt động xe buýt.

Điều 4.- Sở Giao thông Công chính là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước về vận tải khách bằng xe buýt, có thẩm quyền :

1. Quyết định và điều chỉnh về lộ trình mỗi tuyến xe buýt, về số lượng xe kể cả xe dự phòng cho mỗi tuyến xe buýt, về chủng loại phương tiện hoạt động trên từng tuyến.
2. Quyết định danh mục, địa điểm cụ thể của cơ sở hạ tầng cho mỗi tuyến xe buýt và thiết kế mẫu của trạm dừng, nhà chờ.
3. Quyết định giao cho các doanh nghiệp khai thác các tuyến xe buýt theo hình thức chỉ định, giao khoán tuyến hoặc thông qua đấu thầu.
4. Công bố các loại ưu tiên trong lưu thông cho xe buýt trên từng tuyến đường cụ thể.
5. Quyết định kế hoạch, loại hình, phê duyệt dự toán công tác thông tin, tuyên truyền đối với hoạt động xe buýt.
6. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các hoạt động vận tải khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố như : miễn giảm thuế ; trợ giá, bù lỗ ; miễn giảm các loại phí ...
7. Thẩm định, quyết định đầu tư các dự án trong lĩnh vực hoạt động xe buýt từ một tỷ đồng trở xuống ; thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật-dự toán công

trình và các nội dung của quá trình đấu thầu đối với dự án liên quan đến hoạt động xe buýt theo phân công phân cấp hiện hành.

8. Quản lý và cấp phát các loại vé xe buýt cho doanh nghiệp.

9. Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ có thời hạn hoặc tước quyền khai thác tuyến của doanh nghiệp xe buýt vi phạm những quy định hiện hành về hoạt động xe buýt.

10. Phê duyệt ban hành kế hoạch giảng dạy và giáo trình học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên về hoạt động xe buýt cho lái phụ xe, nhân viên bán vé xe buýt.

11. Quản lý Quỹ phát triển vận tải hành khách công cộng của thành phố.

Điều 5.- Trung tâm Quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng (sau đây viết tắt là TTQLĐH) có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Quyết định biểu đồ chạy xe từng tuyến xe buýt theo định hướng đã được Sở Giao thông Công chính chấp thuận.

2. Tổ chức đấu thầu chọn doanh nghiệp khai thác tuyến theo kế hoạch đã được Sở Giao thông Công chính phê duyệt. Ký kết hợp đồng khai thác vận chuyển hành khách bằng xe buýt với các doanh nghiệp khai thác tuyến xe buýt.

3. Kiểm tra điều kiện hoạt động của doanh nghiệp khi tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; kiểm tra tiêu chuẩn các xe buýt.

4. Quản lý, điều phối, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động khai thác các tuyến xe buýt để đảm bảo mạng lưới xe buýt hoạt động theo đúng biểu đồ; điều động đột xuất các xe buýt để giải toả ách tắc, thiếu xe đột biến trong mạng lưới xe buýt và là đầu mối tổ chức các tuyến xe buýt thử nghiệm.

5. Tổ chức khảo sát, đo đếm, thống kê kết quả và dự báo nhu cầu đi lại của hành khách trên mạng lưới xe buýt. Tổ chức tư vấn nghiên cứu và đề xuất điều chỉnh luồng tuyến khi có yêu cầu.

6. Làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra và thanh quyết toán kinh phí trợ giá cho các doanh nghiệp hoạt động xe buýt.

7. In, cấp và kiểm tra sổ nhật trình chạy xe của các doanh nghiệp tham gia khai thác tuyến xe buýt.

8. Lập và thực hiện kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lái phụ xe, nhân viên bán vé.

9. Thực hiện chức năng cơ quan chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa cải tạo và quản lý cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt ; tổ chức duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng này.

10. Tổ chức các kênh thông tin trực tuyến để tuyên truyền vận động nhân dân tham gia đi lại bằng xe buýt ; tổ chức hướng dẫn, giải đáp thắc mắc và trả lời các ý kiến của hành khách đi xe buýt.

CHƯƠNG III **TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG XE BUÝT**

Điều 6.- Thông tin trên các cơ sở hạ tầng xe buýt :

1. Đối với trạm dừng phải ghi rõ tên tuyến, ghi tuyến xe buýt bằng số, tên trạm dừng, giờ hoạt động của tuyến, thời gian giãn cách, giá vé và thông tin về chuyển tiếp các tuyến xe buýt khác.

2. Đối với nhà chờ phải thông tin về hành trình chạy xe, lịch trình chạy xe, các số điện thoại nóng và bản đồ hướng dẫn mạng lưới tuyến xe buýt.

3. Tại điểm đầu, điểm cuối tuyến, các bãi giữ xe cá nhân và trạm chuyển tiếp phải có nhân viên điều hành để hướng dẫn hành khách, kiểm tra, phối hợp hoạt động của xe buýt trên tuyến và thông tin liên lạc, tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý tuyến.

Điều 7.- Quản lý đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng xe buýt :

1. Việc đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải khách bằng xe buýt được thực hiện theo hình thức hợp đồng B.O.T, huy động các nguồn vốn khác hoặc do Ngân sách Nhà nước đầu tư với các hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật.

2. Hệ thống trạm dừng, nhà chờ, biển báo cho hoạt động xe buýt phải được xây dựng, lắp đặt tại những địa điểm, vị trí thuận lợi cho việc đi lại của hành khách, có kiểu dáng, kích thước thiết kế phù hợp, bảo đảm an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

3. Việc quảng cáo trên các trạm dừng, nhà chờ phải thực hiện đúng các quy định hiện hành. Đối với nhà chờ phải dành diện tích ít nhất 2 (hai) m² để thực hiện đúng mục 2 điều 7 bản Quy định này (không tính diện tích bảng phụ trong trường hợp nhà chờ có bảng phụ).

4. Cơ quan quản lý cơ sở hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan để đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự, vệ sinh, mỹ quan cho các cơ sở hạ tầng xe buýt.

Điều 8.- Thời gian phục vụ :

1. Thời gian xe buýt phục vụ trong ngày của từng tuyến được quy định trong biểu đồ chạy xe.

2. Doanh nghiệp xe buýt căn cứ vào biểu đồ chạy xe để bố trí đúng chủng loại xe ; xe buýt phải chạy đúng giờ, dừng đúng trạm quy định theo biểu đồ chạy xe đã được công bố.

Điều 9.- Phương tiện vận chuyển :

1. Tiêu chuẩn xe buýt :

a) Xe hoạt động trên tuyến phải là xe ô tô đủ điều kiện hoạt động quy định tại Nghị định số 92/2001/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2001 và tiêu chuẩn ngành hiện hành TCVN 4461-87 và 22 TCN 302-02 ; tuyệt đối không được làm ba-ga trên mui xe để hàng ; trên xe phải có chuông điện báo hiệu lên xuống và có đủ tay vịn cho hành khách.

b) Có thể sử dụng loại xe 12-16 chỗ ngồi trên một số tuyến đường chật hẹp và có lưu lượng hành khách thấp.

2. Đặc điểm nhận dạng xe buýt :

a) Bên ngoài xe : ở phía trước và sau xe phải dán lô-gô theo quy định, có bảng nêu rõ tên tuyến, ghi tuyến xe buýt bằng số ; dọc theo hai thành xe phải thể hiện lộ trình, bên chính xe chạy qua.

b) Bên trong xe : phải bố trí ở vị trí dễ nhìn các hướng dẫn sơ đồ tuyến, niêm yết giá vé, giá cước hành lý và cách tính, nội quy chạy xe buýt và số điện thoại để giải đáp thắc mắc.

c) Nội dung niêm yết, kích thước, kiểu chữ, màu sắc, vị trí của các loại thông tin trên xe do Trung tâm Quản lý điều hành quy định, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện.

3. Các chứng từ mang theo xe buýt :

Ngoài các loại giấy tờ mang theo xe được pháp luật quy định, xe buýt phải có sổ nhật trình chạy xe được ghi chép đầy đủ, chính xác, rõ ràng để theo dõi hoạt động của xe.

Điều 10.- Vé xe buýt :

1. Có 2 loại vé : vé từng lượt đi và vé đi dài ngày.

2. Vé đi dài ngày gồm vé cho một tuyến hoặc vé cho nhiều tuyến.

3. Ngoài các loại vé nêu trên, còn có các loại vé phát hành cho những đối tượng ưu tiên theo yêu cầu chính trị, xã hội trong từng thời điểm với giá vé miễn, giảm.

Điều 11.- Lái xe, nhân viên bán vé :

1. Lái xe phải có đủ điều kiện của người lái xe cơ giới tham gia giao thông theo quy định tại Điều 53 và thực hiện đúng quy định vận chuyển hành khách bằng xe ô tô tại Khoản 2 và 3, Điều 61 Luật Giao thông đường bộ.

2. Nhân viên bán vé phải có thái độ phục vụ trách nhiệm, ân cần, lịch sự ; bán vé đúng giá, xé và giao vé cho tất cả hành khách đi xe đúng quy định.

3. Lái xe và nhân viên xe buýt khi làm việc phải đeo bảng tên và mặc đồng phục, phải hiểu biết những quy định về vận tải khách, có trách nhiệm cung cấp thông tin về tuyến, giải thích, hướng dẫn đầy đủ cho hành khách. Giúp lên xuống an toàn và ổn định chỗ ngồi cho hành khách, nhất là đối với người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai ; không nhận chở xe đạp, xe 02 bánh gắn máy trên xe buýt.

4. Lái xe và nhân viên phải được bồi dưỡng kiến thức quản lý và nghiệp vụ phục vụ vận tải theo chương trình được cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành phê duyệt và được cơ quan giảng dạy cấp giấy chứng nhận. Các doanh nghiệp phải lập danh sách lái xe và nhân viên phục vụ trên xe gửi cho cơ quan quản lý tuyến để theo dõi và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quản lý, phục vụ vận tải cho lái xe và nhân viên chưa có giấy chứng nhận.

CHƯƠNG IV QUYỀN, LỢI ÍCH VÀ NGHĨA VỤ CỦA HÀNH KHÁCH

Điều 12.- Quyền, lợi ích của hành khách :

1. Khi đi lại bằng phương tiện xe buýt, hành khách được Nhà nước hỗ trợ chi phí thông qua việc quy định giá vé phù hợp với mức thu nhập chung của người dân thành phố.

2. Hành khách được mang theo mười (10) Kg hành lý xách tay không phải trả tiền cước. Trường hợp hành lý trên 10 Kg thì phải mua thêm vé cước theo diện tích chiếm chỗ với mỗi diện tích chiếm chỗ tương đương 0,25 m² thì mua thêm bằng 01 vé.

3. Được cung cấp miễn phí các thông tin về xe buýt.

4. Được yêu cầu bồi thường thiệt hại về người và hành lý mang theo nếu thiệt hại đó do lái xe, nhân viên phục vụ trên xe gây ra.

5. Được yêu cầu xử lý và được công bố kết quả xử lý về các khiếu nại đối với những hành vi vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

6. Được góp ý về những ưu, khuyết điểm trong quá trình đi xe buýt qua các kênh thông tin.

7. Trẻ em từ 11 tuổi trở xuống hoặc có chiều cao dưới 1,3 m thì được miễn mua vé.

Điều 13.- Nghĩa vụ của hành khách :

1. Hành khách đi xe buýt phải mua vé và phải xuất trình vé khi có yêu cầu của nhân viên kiểm soát.

2. Hành khách đi xe phải chấp hành nội quy vận chuyển xe buýt, tuân thủ hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để đảm bảo an toàn trật tự trên xe. Trường hợp hành khách vi phạm nội quy, làm thiệt hại đến người khác đi trên xe thì xử lý theo quy định pháp luật.

3. Hành khách đi trên xe không được xả rác, không được mang theo những loại hàng hóa bị cấm lưu thông, hàng hóa cồng kềnh chiếm nhiều chỗ của hành khách, hàng tanh hôi, lây nhiễm, súc vật, chất dễ cháy nổ.

CHƯƠNG V

**QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP THAM GIA KHAI THÁC TUYẾN XE BUÝT
VÀ QUYỀN, LỢI ÍCH, NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP**

Điều 14.- Các doanh nghiệp khi muốn khai thác tuyến xe buýt phải đăng ký với Trung tâm Quản lý điều hành để được hướng dẫn thủ tục, kiểm tra năng lực và điều kiện tham gia.

Điều 15.- Điều kiện tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt gồm :

1. Doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo luật định.

2. Có chức năng kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

3. Được cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành chỉ định tuyến xe buýt tham gia hoặc trúng thầu luồng tuyến xe buýt do cơ quan quản lý có thẩm quyền tổ chức.

Điều 16.- Quyền, lợi ích và nghĩa vụ của doanh nghiệp :

1. Được hưởng hỗ trợ tài chính quy định tại Chương VI Quy định này khi tham gia khai thác tuyến xe buýt, đồng thời phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo luật định.

2. Tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển khách bằng xe ô tô tại Điểm 2 và 3, Điều 61 và về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị tại Điểm 1, Điều 66 Luật Giao thông đường bộ.

3. Thực hiện đúng hợp đồng khai thác tuyến xe buýt đã ký kết với cơ quan quản lý tuyến xe buýt.

4. Bảo đảm bố trí phương tiện đủ số lượng, chủng loại và chất lượng hoạt động ; trường hợp đột xuất có phương tiện hư hỏng không bảo đảm số lượng xe tham gia hoạt động thì doanh nghiệp phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý tuyến để kịp thời xử lý.

5. Chấp hành nghiêm sự điều phối của cơ quan quản lý tuyến xe buýt trong việc điều xe, điều chuyển hoạt động sang tuyến khác cho phù hợp với quy hoạch hoặc phục vụ nhu cầu chung của mạng lưới xe buýt, kể cả trong trường hợp điều động đột xuất để xử lý sự cố.

6. Phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở lái xe, phụ xe, nhân viên thực hiện đúng nội dung nêu trong quy định này ; cử nhân viên điều hành để bảo đảm hoạt động tuyến. Xử lý nghiêm minh, kịp thời lái xe, phụ xe, nhân viên vi phạm.

7. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý tuyến đối với tất cả những hành vi vi phạm Quy định này của lái xe, nhân viên.

8. Thực hiện báo cáo đúng quy định theo yêu cầu của cơ quan quản lý tuyến xe buýt.

9. Phát hiện và báo kịp thời cho cơ quan quản lý tuyến về tình trạng cơ sở hạ tầng tuyến, về tình hình an ninh, an toàn trật tự trên tuyến.

10. Lập kế hoạch bố trí cho các lái xe, phụ xe, nhân viên phục vụ tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Bảo đảm lái xe, phụ xe, nhân viên phục vụ của doanh nghiệp có đủ giấy chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ.

11. Quản lý và sử dụng kinh phí trợ giá của Nhà nước đúng quy định, phối hợp với cơ quan quản lý tuyến xe buýt thực hiện quyết toán chi phí trợ giá đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

CHƯƠNG VI HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CỦA NHÀ NƯỚC CHO HOẠT ĐỘNG XE BUÝT

Điều 17.- Trợ giá của Nhà nước :

1. Từ năm 2005, tất cả tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn thành phố đều được xem xét trợ giá khi bị lỗ. Trước mắt, trong thời gian tổ chức thử nghiệm nâng cao chất lượng phục vụ (tuyến xe buýt điểm), cơ chế trợ giá cho tuyến xe buýt điểm được tạm thời quy định như sau :

- Phương thức trợ giá theo chuyển đổi với từng tuyến, từng loại xe.

- Công thức tính : Tiền trợ giá = Tổng chi phí chuyển xe (đã bao gồm khấu hao) + lãi định mức - tiền vé thu được/chuyển (số vé x đơn giá vé quy định theo từng thời kỳ).

Tiền trợ giá được tạm ứng mỗi tuần một lần và quyết toán hàng tháng cho tất cả các doanh nghiệp tham gia hoạt động trên cùng tuyến xe buýt.

Trường hợp đối với từng dự án cụ thể, Nhà nước sẽ quy định quy trình cấp tiền trợ giá đến tay nhà đầu tư để quản lý tiền trợ giá và kịp thời thanh toán nợ vay theo hình thức tay ba gồm : Nhà nước-Doanh nghiệp-Chủ đầu tư.

2. Các tuyến xe buýt được trợ giá theo công thức trên phải chuyển sang cơ chế khoán sau sáu (6) tháng thực hiện. Từ năm 2004, tổ chức thí điểm và tiến đến thực hiện phổ biến trong năm 2005 cơ chế đấu thầu khai thác tuyến.

Điều 18.- Hỗ trợ tài chính của Nhà nước trong đầu tư phương tiện, sản xuất phương tiện :

1. Các doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hưởng các chính sách ưu đãi chung do Nhà nước ban hành và được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện trong thời gian tối đa mười (10) năm. Mức hỗ trợ cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi quyết định đầu tư dự án hoặc công bố theo từng thời gian đối với những đối tượng đủ điều kiện.

2. Các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe buýt, ngoài các chính sách ưu đãi chung, cũng được Nhà nước hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư cơ sở sản xuất thông qua quyết định đầu tư dự án, đồng thời được miễn giảm tiền sử dụng đất dùng để sản xuất, lắp ráp xe buýt.

Điều 19.- Hỗ trợ của Nhà nước về cơ sở hạ tầng :

1. Ngân sách thành phố đảm nhận một phần quan trọng đầu tư xây dựng, sửa chữa và duy tu cơ sở hạ tầng tuyến xe buýt. Doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được miễn giảm tiền thuê chỗ khi lưu đậu tại các bãi kỹ thuật do Nhà nước quản lý, được miễn nộp giá dịch vụ lưu đậu khi vào đậu chờ lấy khách ở các bến xe khách liên tỉnh.

2. Doanh nghiệp được vay vốn theo chương trình kích cầu có hỗ trợ lãi suất của ngân sách thành phố để xây dựng bãi kỹ thuật theo đúng quy hoạch của thành phố.

CHƯƠNG VII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20.- Khen thưởng :

Các cơ quan, tổ chức quản lý tuyến, doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp tích cực vào phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, thu

hút được người dân đi xe buýt, tăng số lượng hành khách vận chuyển thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 21.- Các hành vi vi phạm và xử lý :

1. Đối với cán bộ, nhân viên ngành Giao thông công chính không thực hiện đủ, đúng nhiệm vụ được theo Quy định này sẽ bị xử lý theo Pháp lệnh cán bộ, công chức.

2. Đối với doanh nghiệp khai thác tuyến xe buýt :

a) Đưa vào hợp đồng khai thác tuyến để Trung tâm Quản lý điều hành xử lý vi phạm bằng phạt tiền, trừ vào tiền trợ giá của ngân sách đối với các vi phạm của doanh nghiệp gồm : không bố trí đủ xe có đủ điều kiện thực hiện đúng hợp đồng khai thác tuyến xe buýt đã ký kết với cơ quan quản lý tuyến ; để cho lái xe, tiếp viên không thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Quy định này (như có các hành vi thu tiền bán vé nhưng không đưa vé cho khách, quay vòng vé, thu quá giá theo quy định, báo cáo khống số chuyên xe, xe đậu đỗ không đúng điểm dừng hoặc bỏ trạm dừng đậu, thời gian dừng tại các trạm không đúng quy định, bỏ chuyên, bỏ tuyến, móc ngoặc với nhân viên kiểm tra để trục lợi).

b) Trường hợp tái phạm từ 3 lần trở lên đối với các vi phạm nói trên sẽ bị xử lý :

- Doanh nghiệp bị tước quyền khai thác tuyến xe buýt đang hoạt động và không cho tham gia khai thác có thời hạn hoặc vĩnh viễn các tuyến buýt khác trên toàn mạng lưới tuyến xe buýt thành phố.

- Trường hợp chủ xe là xã viên Hợp tác xã dịch vụ hỗ trợ bị loại xe ra khỏi tuyến hoạt động và không được tham gia chạy trên các tuyến khác thuộc mạng lưới xe buýt của thành phố.

- Lái xe, nhân viên phục vụ bị sa thải.

3. Các tổ chức, cá nhân vi phạm về thanh tra, kiểm tra hoặc lợi dụng thanh tra, kiểm tra để vụ lợi, sách nhiễu, gây phiền hà cho hoạt động của tuyến xe buýt, ngoài việc bị xử lý theo Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính còn bị sa thải.

4. Hành khách và cá nhân gây mất trật tự, mua bán trên xe, không mua vé xe buýt, xả rác trên xe thì bị xử lý theo Pháp lệnh xử phạt hành chính hiện hành.

CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22.- Thủ trưởng các sở-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện, các tổ chức, đoàn thể liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình, nghiên cứu lập kế hoạch tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 23.- Giao Sở Giao thông Công chính tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng một lần, đề xuất biện pháp xử lý các vướng mắc, khó khăn và những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực hiện Quy định này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ